

Bài 28 TRÒ CHƠI CỦA BỐ (6 tiết)

I MỤC TIÊU

- Đọc đúng các từ khó, biết cách đọc lời thoại của các nhân vật (bố và Hường) trong bài *Trò chơi của bố*. Hiểu nội dung bài đọc: Thông qua trò chơi “ăn cỗ” mà bố và Hường chơi cùng nhau, bài đọc nói lên tình cảm giữa những người thân trong gia đình dành cho nhau, cách bố dạy Hường những điều cần biết trong nói năng và cư xử với người lớn tuổi.
 - Biết thêm về một trò chơi miền Bắc (“ăn cỗ” – đóng vai chơi đồ hàng).
- Nghe – viết đúng chính tả bài *Trò chơi của bố* (từ *Đến bữa ăn đến một nét ngoan*); biết viết địa chỉ nhà nơi mình ở theo đúng quy tắc viết hoa.
 - Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt *l/ n; ao/ au*.
- Phát triển vốn từ chỉ tình cảm của người thân trong gia đình, từ chỉ tính cách.
 - Biết sử dụng dấu câu (*dấu chấm, chấm than và dấu chấm hỏi*).
 - Viết được một đoạn văn ngắn kể về tình cảm của mình với người thân.
- Tự tìm đọc được một bài thơ hoặc câu chuyện về tình cảm của bố mẹ với các con; chia sẻ với người khác bài thơ, câu chuyện đó.
- Biết nói năng và có cử chỉ lễ phép đối với bố mẹ và người lớn tuổi; biết trân trọng tình cảm gia đình, thêm yêu bố mẹ và có hành động đơn giản thể hiện tình cảm với bố mẹ.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức ngữ văn

GV nắm được đặc điểm thể loại VB: *Trò chơi của bố* là dạng VB tự sự, kể về những lần bố và Hường chơi trò chơi “ăn cỗ” cùng nhau. Cốt truyện giản dị, nhưng lồng vào câu chuyện là tình cảm của bố mẹ dành cho con cái, cũng là những bài học ban đầu về cách nói năng, cư xử mà người bố khéo léo dạy cho con gái của mình.

2. Phương tiện dạy học

Tranh minh hoạ có trong SHS được phóng to, hoặc máy tính có phần mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh (nếu có).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 - 2

ÔN BÀI CŨ

HS đọc một đoạn thơ trong bài học trước (*Mẹ*) và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài thơ này.

ĐỌC

1. Khởi động

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi: *Em thích chơi trò chơi gì cùng bố mẹ?*
- Một số HS trả lời câu hỏi. Các HS khác bổ sung.
- GV giới thiệu bài đọc: Cùng tìm hiểu bài *Trò chơi của bố* để xem Hường và bố thường chơi trò gì cùng nhau. (Hãy chú ý xem trong khi chơi, bố đã dạy Hường điều gì.)

2. Đọc văn bản

- GV hướng dẫn cả lớp:
- + GV giới thiệu: Bài đọc nói về một trò chơi mà hai bố con Hường thường chơi cùng nhau, đó là trò “ăn cỗ”.
- + GV đọc mẫu toàn VB. Chú ý đọc với giọng nhẹ nhàng, tình cảm. Lưu ý phân biệt giọng của nhân vật bố và giọng của nhân vật Hường; giọng của người dẫn chuyện. Ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ. HS đọc thầm VB trong khi nghe GV đọc mẫu.
- + GV chia bài đọc ra làm 3 đoạn (đoạn 1: từ đầu đến *đủ rồi*; đoạn 2: tiếp đến *Đây, mời bác*; đoạn 3: phần còn lại). GV gọi 3 HS đọc nối tiếp để làm mẫu.
(Nếu lớp đọc tốt, có thể cho HS đọc phân vai: một HS đọc lời người dẫn chuyện, một HS đọc lời của bố và một HS đọc lời của Hường).
- + GV giải nghĩa từ khó. Ngoài từ *xơi* đã được chú thích trong SHS, GV có thể giải thích thêm từ *bát* (từ dùng của miền Bắc): chén để ăn cơm (miền Nam).
- Luyện đọc theo nhóm 3:
- HS đọc nối tiếp VB (theo mẫu).
- Đọc cá nhân:
- + Từng em tự luyện đọc toàn bộ bài đọc.
- + GV giúp đỡ HS gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

3. Trả lời câu hỏi

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi.
- HS làm việc nhóm (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi và tìm câu trả lời.
- GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.
- GV và HS thống nhất câu trả lời:

Câu 1. Hai bố con Hường chơi trò chơi gì cùng nhau?

(Hai bố con chơi trò chơi ăn cỗ cùng nhau.)

Câu 2. Khi chơi, hai bố con xưng hô với nhau như thế nào?

(Khi chơi, hai bố con xưng hô là “bác” và “tôi”.)

Câu 3. Nhìn hai tay Hường đón bát cơm, mẹ nhớ tới điều gì?

(Nhìn tay Hường đón bát cơm, mẹ lại nhớ đến lúc hai bố con chơi với nhau.)

Câu 4. Khi chơi cùng bố, Hường đã được bố dạy nét ngoan nào?

– GV cho HS thảo luận nhóm:

+ Đọc các phương án trắc nghiệm.

+ Trao đổi, tìm câu trả lời.

+ Đại diện nhóm phát biểu trước lớp.

– GV chốt đáp án. (Có cử chỉ và lời nói lễ phép). (Đối với HS khá, có thể yêu cầu: tìm những chi tiết trong bài thể hiện ý này.)

4. Luyện đọc lại

Một HS đọc lại cả bài. Cả lớp đọc thầm theo.

5. Luyện tập theo văn bản đọc

Câu 1. Tìm câu nói thể hiện thái độ lịch sự.

– GV cho HS đọc các phương án, thảo luận nhóm, tìm câu trả lời.

– GV gọi một số HS trả lời. GV hỏi thêm HS lí do vì sao chọn những phương án đó.

– GV chốt đáp án. (Những câu nói thể hiện thái độ lịch sự là a. *Cho tôi xin bát miến và b. Dạ, xin bác bát miến ạ.*, vì hai câu này chứa các từ thể hiện sự lịch sự: *dạ, xin, ạ*. GV có thể hỏi thêm câu nào có tính lịch sự cao nhất (câu b).)

Câu 2. Cùng bạn đóng vai nói và đáp lời yêu cầu, đề nghị.

– GV cho HS đọc câu mẫu, thảo luận nhóm đôi. Từng thành viên của nhóm sẽ lần lượt đóng vai nói và đáp lời đề nghị, sau đó đổi vai.

– GV cho một cặp đôi làm mẫu.

– Các cặp đôi luyện tập.

– GV gọi đại diện một số cặp đôi thực hành trước lớp. (VD: *Bạn mở giúp tớ cái cửa sổ! Ừ, đợi tớ một chút nhé,...*)

– GV khen ngợi những nhóm làm tốt.

TIẾT 3

VIẾT

1. Nghe – viết

– GV nêu yêu cầu nghe – viết bài *Trò chơi của bố* (từ *Đến bữa ăn đến một nét ngoan*).

– GV đọc một lần đoạn văn sẽ viết chính tả cho HS nghe.

– GV mời 1 – 2 HS đọc lại đoạn văn trước lớp.

– GV hướng dẫn HS:

+ Viết hoa tên riêng của nhân vật (Hường).

+ Viết những tiếng khó hoặc những tiếng dễ viết sai, lẫn do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương (*tay, nét ngoan,...*).

- + Lưu ý vị trí đặt dấu chấm, dấu phẩy.
- GV đọc tên bài, đọc từng câu văn (ngắt nghỉ phù hợp sau mỗi cụm từ và đọc dấu câu) cho HS viết vào vở.
- GV đọc lại đoạn văn cho HS soát lại bài viết. Sau đó, HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.
- GV chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên, khen ngợi các em.

2. Viết vào vở địa chỉ nhà em.

- GV cho HS quan sát phần viết trong SHS, HS nhận diện các từ cần viết hoa (Số nhà 25, đường Sông Thao, thị trấn Cổ Phúc, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái). Tương tự, GV nhắc HS cần viết hoa tên riêng của thôn/ xóm, xã/ phường, quận/ huyện, tỉnh/ thành phố,... nơi em ở. Lưu ý dấu phẩy phân tách từng đơn vị hành chính.
- HS viết địa chỉ nhà mình dưới sự hướng dẫn của GV.
- HS trao đổi bài với bạn bên cạnh và nhận xét cho nhau.
- GV chữa một số bài.

3. Chọn a hoặc b.

- a. *Tìm từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng l hoặc n gọi tên sự vật trong từng hình.*
- GV cho HS quan sát hình vẽ trong SHS hoặc hình phóng to trên bảng hoặc trên máy tính.
 - Một HS đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.
 - Cả lớp làm bài vào Vở bài tập.
 - Có thể gọi 1 – 2 HS làm bài trên bảng. Cả lớp và GV nhận xét, chốt đáp án: *bàn là, nón, lẵng hoa.*
 - HS tự chữa bài của mình (nếu sai).
- b. *Chọn ao hoặc au thay cho ô vuông.*
- Một HS đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.
 - Cả lớp làm bài vào Vở bài tập.
 - Có thể gọi 1 – 2 HS làm bài trên bảng. Cả lớp và GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng: *Hàng cao trước cổng cao vút. Cây bưởi sau nhà sai trĩu quả.*
 - HS tự chữa bài của mình (nếu sai).
 - GV kiểm tra, nhận xét bài của một số HS.

TIẾT 4

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm từ ngữ chỉ tình cảm của người thân trong gia đình.

- GV trình chiếu các từ ngữ lên bảng (dùng máy tính/ giấy khổ lớn); hoặc viết trực tiếp lên bảng.

- Một số HS đọc một lượt các từ ngữ.
- HS thảo luận nhóm.
- HS trình bày kết quả. (Các từ ngữ đó là *chăm sóc, yêu thương, quan tâm, kính trọng*) GV cũng có thể cho HS giải thích về 2 từ không được lựa chọn: *chăm chỉ* (thể hiện tính cách của bản thân) và *vui chơi* (chỉ hoạt động).

2. Tìm từ ngữ bạn nhỏ nói về tính cách của bố mình.

- Bài tập này tập trung vào nhóm từ chỉ đặc điểm trong tính cách con người.
- GV trình chiếu đoạn văn lên bảng (dùng máy tính/ giấy khổ lớn); hoặc viết trực tiếp lên bảng.
 - HS đọc thầm.
 - GV gọi một số HS đọc to đoạn văn.
 - GV đưa câu hỏi: Trong đoạn văn trên, những từ ngữ nào nói về tính cách của người bố?
 - HS thảo luận nhóm.
 - HS trình bày kết quả. GV và HS chốt đáp án. (Các từ ngữ đó là *kiên nhẫn, vui tính, nghiêm khắc* và *đễ tha thứ*.)

3. Chọn dấu chấm, dấu chấm hỏi hoặc dấu chấm than thay cho ô vuông.

- GV trình chiếu đoạn văn lên bảng (dùng máy tính/ giấy khổ lớn); hoặc viết trực tiếp lên bảng. HS đọc thầm.
- GV gọi HS làm mẫu trường hợp đầu tiên. Đọc câu có chỗ trống dấu tiên cần điền. GV đặt câu hỏi: Câu này người bố nói ra để làm gì? Cần dùng dấu câu gì? (Câu này người bố nói ra để gọi Nam. Cần điền dấu chấm than.)
- HS tự làm vào vở.

Đáp án:

Bố: - *Nam ơi! Con hãy đặt một câu có từ “đường” nhé!*

Con: - *Bố em đang uống cà phê.*

Bố: - *Thế từ “đường” đâu?*

Con: - *Dạ, đường có ở trong cốc cà phê rồi ạ.*

TIẾT 5 - 6

LUYỆN VIẾT ĐOẠN

1. Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi.

- GV tự chọn hình thức tổ chức hoạt động đọc: theo nhóm, đọc nối tiếp từng câu, đọc cá nhân,... sau đó thảo luận nhóm, tìm câu trả lời.
- GV chốt đáp án: a. Trong đoạn văn trên, bạn nhỏ kể về mẹ. b. Những câu thể hiện rõ tình cảm của bạn nhỏ đối với mẹ là “Được ai khen, tôi nghĩ ngay đến mẹ”, “Tôi rất yêu mẹ tôi”. c. Mẹ được bạn nhỏ yêu quý vì bạn nhỏ nhận ra tình cảm mà mẹ dành cho mình.

2. Viết 3 – 4 câu thể hiện tình cảm của em đối với người thân.

- GV cho HS thảo luận về 2 câu hỏi gợi ý trong SHS và xem lại đoạn văn mẫu ở bài 1. Đặc biệt là gợi ý thứ 2: *Em có tình cảm như thế nào đối với người thân? Vì sao?* (VD: Em rất yêu và kính trọng bố vì bố em rất tuyệt vời. Em rất yêu bà vì bà luôn chăm sóc em, hay kể chuyện cho em nghe,... / vì đối với em, bà là người gần gũi nhất. Em có thể nói với bà những chuyện ở trường, ở lớp,...)
- HS viết bài.
- HS đổi bài cho bạn để sửa chữa hoàn chỉnh bài viết.
- Từng HS tự sửa đoạn văn đã viết.
- Cuối giờ học, GV có thể chữa nhanh một số bài. GV nhắc HS về nhà tiếp tục sửa chữa, hoàn thiện bài viết.
- GV nhận xét, khen ngợi những HS tích cực, tiến bộ.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một bài thơ, câu chuyện về tình cảm gia đình.

(Trong buổi học trước, GV đã giao nhiệm vụ cho HS tìm đọc một bài thơ hoặc câu chuyện về tình cảm giữa bố mẹ và các con hoặc tình cảm giữa ông bà và các cháu, anh chị em trong gia đình,... GV có thể chuẩn bị một số bài thơ, câu chuyện phù hợp (có thể lấy từ tủ sách của lớp) và cho HS đọc ngay tại lớp.)

2. Chia sẻ với các bạn cảm xúc của em về bài thơ, câu chuyện đó.

- HS làm việc nhóm. Các em đọc thơ/ kể chuyện cho bạn nghe. HS trao đổi trong nhóm về tên của bài thơ/ câu chuyện, tên tác giả.
- Một số HS nói cảm xúc của mình về bài thơ, câu chuyện mình đã đọc (hay hoặc không hay, thích hoặc không thích, vì sao?).
- GV nhận xét, đánh giá chung và khen ngợi những HS có cách đọc thơ, kể chuyện hấp dẫn hoặc chia sẻ được cảm xúc của mình. Nói rõ ưu điểm để HS cùng học hỏi.

CỦNG CỐ

- GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính. Sau bài học, các em đã:
 - + Đọc và hiểu được nội dung VB *Trò chơi của bố*: Thông qua trò chơi “ăn cỗ” mà bố và Hường chơi cùng nhau, bài đọc nói lên tình cảm giữa những người thân trong gia đình dành cho nhau, cách bố dạy Hường những điều cần biết trong nói năng và cư xử với người lớn tuổi.
 - + Luyện tập về từ ngữ chỉ đặc điểm (từ chỉ tình cảm của người thân trong gia đình), luyện tập về *dấu chấm*, *dấu chấm hỏi* và *dấu chấm than*. (Dấu chấm dùng để kết thúc câu kể; dấu chấm hỏi dùng cuối câu hỏi; dấu chấm than dùng cuối lời gọi và lời yêu cầu.)
 - + Viết đoạn văn nói về tình cảm với người thân. (Trong bài có những câu thể hiện tình cảm yêu thương, kính trọng, quan tâm, chăm sóc,... của mình với người thân.)
- HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.
- GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.